

Số: 69 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 19/2013/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ VIỆC MUA, BÁN VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 10

“Điều 10. Chủ thể, mục đích và nguyên tắc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt

1. Chủ thể phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt là Công ty Quản lý tài sản. Công ty Quản lý tài sản ủy quyền cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tổ chức phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Công ty Quản lý tài sản phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để thanh toán cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ khi mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để thanh toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ được thực hiện riêng lẻ, căn cứ nhu cầu thực tế và kế hoạch kinh doanh của Công ty Quản lý tài sản.

4. Một trái phiếu, trái phiếu đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều này được phát hành tương ứng với một khoản nợ xấu được mua, bán. Trường hợp khoản nợ xấu được mua, bán là khoản cấp tín dụng hợp vốn, Công ty Quản lý tài sản phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt tương ứng cho từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia cấp tín dụng hợp vốn.”.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 12

Điều 3. Bãi bỏ Điều 13

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16

“2. Căn cứ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, kế hoạch kinh doanh và năng lực của Công ty Quản lý tài sản, tình hình thị trường, Công ty Quản lý tài sản quyết định đối tượng và các khoản nợ xấu cụ thể Công ty Quản lý tài sản mua trong từng thời kỳ.”.

Điều 5. Bãi bỏ Điều 24

Điều 6. Bãi bỏ Điều 25

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 26

“Điều 26. Thực hiện mua nợ xấu theo giá trị thị trường

1. Căn cứ kế hoạch kinh doanh, năng lực tài chính, hiệu quả kinh tế và điều kiện thị trường, Công ty Quản lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua khoản nợ xấu theo giá trị thị trường.

2. Công ty Quản lý tài sản chỉ được mua khoản nợ xấu quy định tại điểm a khoản 7a Điều 3 Thông tư này theo giá trị thị trường sau khi đã thực hiện các công việc sau đây:

a) Đánh giá khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 23 Thông tư này;

b) Xác định giá trị thị trường của khoản nợ xấu, kể cả tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó. Công ty Quản lý tài sản phải định giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định giá trị khoản nợ xấu và tài sản bảo đảm;

c) Đánh giá hiệu quả kinh tế, rủi ro và khả năng thu hồi vốn mua khoản nợ xấu;

d) Phân tích, đánh giá thực trạng và triển vọng khoản nợ xấu, khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ và các điều kiện thỏa thuận mua nợ với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ;

đ) Dự kiến các biện pháp khả thi xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

3. Khi thực hiện chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường, Công ty Quản lý tài sản thực hiện các công việc quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 23 Thông tư này, thỏa thuận giá mua bán khoản nợ xấu theo giá trị thị trường với tổ chức tín dụng Việt Nam, ký kết hợp đồng mua bán nợ theo giá trị thị trường và thực hiện như sau:

a) Công ty Quản lý tài sản nhận lại trái phiếu đặc biệt từ tổ chức tín dụng Việt Nam và thực hiện tất toán trái phiếu đặc biệt, số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán; chuyển trả cho tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền thu hồi nợ mà tổ chức tín dụng Việt Nam được hưởng theo quy định, khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay theo giá trị ghi sổ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán đối với trường hợp một phần khoản nợ xấu đã được chuyển thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay (nếu có). Công ty Quản lý tài sản chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay cho tổ chức tín dụng Việt Nam;

b) Công ty Quản lý tài sản thanh toán cho tổ chức tín dụng Việt Nam giá mua bán khoản nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán nợ theo giá trị thị trường;

c) Tổ chức tín dụng Việt Nam chuyển trả trái phiếu đặc biệt cho Công ty Quản lý tài sản và nhận thanh toán giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường, khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay, số tiền thu hồi nợ theo quy định tại điểm a, b khoản này và xử lý như sau:

(i) Trường hợp giá mua bán khoản nợ, số tiền thu hồi nợ và giá trị của khoản vốn góp, vốn cổ phần nhận được từ Công ty Quản lý tài sản cao hơn mệnh giá trái phiếu đặc biệt, tổ chức tín dụng Việt Nam hạch toán phần chênh lệch vào thu nhập trong năm tài chính;

(ii) Trường hợp giá mua bán khoản nợ, số tiền thu hồi nợ và giá trị của khoản vốn góp, vốn cổ phần nhận được từ Công ty Quản lý tài sản thấp hơn mệnh giá trái phiếu đặc biệt, tổ chức tín dụng Việt Nam sử dụng dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt để bù đắp phần chênh lệch. Trường hợp vẫn còn thiếu, tổ chức tín dụng Việt Nam hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức tín dụng Việt Nam hoàn nhập số tiền dự phòng đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt còn lại sau khi thực hiện quy định tại điểm c(i), c(ii) khoản này.

4. Việc mua bán khoản nợ xấu theo giá trị thị trường phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản phù hợp với quy định tại Thông tư này, các quy định khác có liên quan. Trường hợp chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường quy định tại khoản 3 Điều này, hợp đồng mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt chấm dứt kể từ thời điểm hợp đồng mua bán nợ theo giá trị thị trường có hiệu lực. Công ty Quản lý tài sản

được thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân chia phần giá trị còn lại của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu sau khi trừ giá mua và chi phí xử lý.

5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu gốc liên quan đến khoản nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản. Trường hợp chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường quy định tại khoản 3 Điều này, Công ty Quản lý tài sản thực hiện chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu gốc liên quan đến số tiền thu hồi nợ, khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay cho tổ chức tín dụng Việt Nam.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 32

“Điều 32. Thủ tục đề nghị chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay

1. Công ty Quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án đầu tư, cung cấp tài chính, Phương án bảo lãnh cho khách hàng vay vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay) gửi trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay do người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý tài sản ký;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản thông qua Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay kèm theo Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 31 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản phải nêu rõ lý do.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 37

“Điều 37. Thủ tục đề nghị chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp

1. Công ty Quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 gửi trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay do người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý tài sản ký;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản thông qua Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay kèm theo Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay. Trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản phải nêu rõ lý do.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 1 Điều 48

“b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay và Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay theo trình tự sau:

(i) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Công ty Quản lý tài sản đề nghị chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay và Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay, đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ có văn bản lấy ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ, các đơn vị được lấy ý kiến tham gia phải tham gia ý kiến bằng văn bản gửi đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay, Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định các nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 16; khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 37 Thông tư này;”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 49

“4. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định các nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 16; khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 37 Thông tư này.”.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 43/2015/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG GIAO DỊCH BƯU ĐIỆN TRỰC THUỘC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN LỘC PHÁT VIỆT NAM

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 10

“b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi LPBank dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có văn bản gửi LPBank xác nhận việc đáp ứng hoặc không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm; trường hợp không đáp ứng, văn bản gửi LPBank phải nêu rõ lý do.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 14

“b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có văn bản chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi LPBank phải nêu rõ lý do.”.

Điều 14. Bổ sung khoản 3b vào sau khoản 3a Điều 19

“3b. Đình chỉ phòng giao dịch bưu điện hoạt động tại địa điểm mới khi không đáp ứng các quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Thông tư này.”.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 53/2018/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

Điều 15. Bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 6**Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 7****“Điều 7. Điều kiện thành lập chi nhánh**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 03 chi nhánh trong 01 năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị. Điều kiện này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị vào năm thứ hai tính từ ngày khai trương hoạt động;

b) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

c) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị không vượt quá 4% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc trong từng thời kỳ;

d) Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ

cầu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc;

đ) Có Quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

e) Có Đề án thành lập chi nhánh.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 02 chi nhánh khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước tháng đề nghị không vượt quá 4% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc trong từng thời kỳ;

b) Các quy định tại điểm b, d, đ, e khoản 1 Điều này.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 8

“Điều 8. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư này.”.

Điều 18. Bãi bỏ khoản 4 Điều 9

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng, các đơn vị tại điểm c Khoản này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh hoặc trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do;”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

“Điều 13. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chi nhánh đặt trụ sở và địa điểm dự kiến thay đổi phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại các điểm a(i), a(ii) và a(iii) khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại; địa điểm dự kiến chuyển đến đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này; kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Thủ tục:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nêu rõ lý do.

4. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo quy định tại khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 4 Điều này kèm theo văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận, chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này mà chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng không hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đương nhiên hết hiệu lực.

7. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi.

8. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ

chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 7 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 7 Điều này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 18

“Điều 18. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh về kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh.

4. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng quyết định chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng

đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 3, 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 3, 4 Điều này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.”.

Điều 22. Bổ sung khoản 1b vào sau khoản 1a Điều 21

“1b. Phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 23

“Điều 23. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

1. Đầu mỗi tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

3. Gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực văn bản chấp thuận đối với các nội dung tại khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư này để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức và hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

5. Tiếp nhận báo cáo, thông báo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Thông tư này.

6. Giám sát việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.”.

Điều 24. Bãi bỏ Điều 24

Điều 25. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 53/2018/TT-NHNN

Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 53/2018/TT-NHNN bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ
SỐ 62/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT
NAM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC TỔ
CHỨC LẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG
PHI NGÂN HÀNG**

Điều 26. Bổ sung khoản 9 Điều 3

“9. Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước.”.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9

“1. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất phải có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định tương ứng với loại hình của tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất theo quy định của pháp luật.”.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 10

“c) Văn bản hoặc tài liệu chứng minh việc sáp nhập không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;”.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 11

“c) Văn bản hoặc tài liệu chứng minh việc hợp nhất không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;”.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13

1. Sửa đổi điểm c, d khoản 1 như sau:

“c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đặt trụ sở chính về ảnh hưởng của việc sáp nhập tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc sáp nhập;

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;”.

2. Sửa đổi điểm c khoản 3 như sau:

“c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận sáp nhập theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14

1. Sửa đổi điểm c, d khoản 1 như sau:

“c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi các tổ chức tín dụng bị hợp nhất đặt trụ sở chính, nơi tổ chức tín dụng hợp nhất dự kiến đặt trụ sở chính về ảnh hưởng của việc hợp nhất tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc hợp nhất;

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;”.

2. Sửa đổi điểm c khoản 3 như sau:

“c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hợp nhất theo mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này; cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất, chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”.

Điều 32. Bãi bỏ khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 16

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19

1. Sửa đổi điểm c khoản 1 như sau:

“c) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng, chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”.

2. Sửa đổi điểm c khoản 3 như sau:

“c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này, cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Điều 21

“Điều 21. Điều kiện để chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc.

2. Trường hợp công ty tài chính chuyên ngành chuyển đổi loại hình thành công ty tài chính tổng hợp, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình và đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị

chuyển đổi loại hình;

b) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

c) Tuân thủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật liên tục trong các quý của năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình và các quý đến thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình;

d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình;

đ) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng phạm vi hoạt động.”.

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24

“3. Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”.

Điều 36. Bổ sung khoản 8 Điều 27

“8. Phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.”.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28

“1. Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng làm đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét có văn bản hoặc quyết định theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 19 và Điều 24 Thông tư này; giám sát việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.”.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2026
2. Kể từ ngày thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết

hiệu lực thi hành:

a) Khoản 8, khoản 14 Điều 1 Thông tư 14/2015/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

b) Khoản 6 Điều 1; cụm từ “các khoản 2, 3, 4 Điều 10” tại khoản 1 Điều 2; cụm từ “khoản 2 Điều 12”, cụm từ “các khoản 5, 6 Điều 13” tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 03/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

c) Cụm từ “điểm b khoản 3 Điều 10” tại điểm c khoản 5 Điều 1 Thông tư số 27/2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

d) Khoản 7, khoản 9, khoản 14, điểm c khoản 15 Điều 1 Thông tư 30/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Điều 39. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

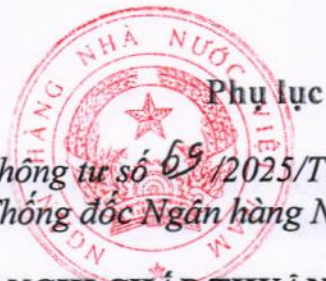
Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 39;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, ATHT1 (03 bản).



Đoàn Thái Sơn



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 69/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
PHI NGÂN HÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:.....

Số định danh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nếu có):.....

Cơ quan cấp:.....ngày.....

Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax.....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị

Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1. Tên:

a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b. Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở.

II. Đánh giá việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh

1. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Lợi nhuận sau thuế của năm trước liền kề năm đề nghị:

- Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:..... tỷ đồng.

- Theo báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán:..... tỷ đồng.

1.2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.3. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và thời điểm đề nghị (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước năm đề nghị và thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị (nếu có)):

1.4. Có Quy chế mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.5. Có Đề án thành lập chi nhánh theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.6. Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.2. Các nội dung tại điểm 1.2, 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1 Mục II Phụ lục này.

III. Đánh giá việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng từng điều kiện để được thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ký tên và đóng dấu)

3M